

Bản án số: 164/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16-11-2018
V/v anh L xin ly hôn chị Th

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Chính

2. Ông Vũ Đức Khang

- Th ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Th ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Hà Viết Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Văn L - Sinh năm 1992

Địa chỉ: Đội 2 Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh N.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1995

ĐKKHKT: Đội 2 Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh N

Tạm trú: Thôn Mới, xã Y, huyện Y, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện lập ngày 09/7/2018 cũng như lời khai của anh Bùi Văn L trong quá trình giải quyết trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Th vào tháng 6/2015, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N huyện N. Sau khi kết hôn, anh và chị Th chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 11/2015 thì mâu thuẫn

vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do anh và chị Th luôn bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nhau. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Th không được cải thiện. Đã nhiều lần chị Th tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và sau đó đi làm kinh tế ở nhiều nơi. Gần đây anh được biết chị Th đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Y, huyện Y, tỉnh V. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Th không còn nên anh xin được ly hôn chị Nguyễn Thị Th. Về con chung giữa anh và chị Nguyễn Thị Th không có con chung nên anh không yêu cầu giải quyết về con chung. Về tài sản chung giữa anh và chị Nguyễn Thị Th không có tài sản chung nên anh không yêu cầu giải quyết về tài sản. Về án phí dân sự sơ thẩm anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Th vắng mặt nhưng có lời khai của chị Th trong quá trình giải quyết trình bày đúng như lời khai của anh Bùi Văn L về việc kết hôn và sống chung giữa chị và anh L. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh L phát sinh từ tháng 11/2015, nguyên nhân là do chị và anh L luôn bất đồng về quan điểm sống và anh L hay ghen tuông vô cớ khiến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh L và gia đình anh đã nhiều lần đánh đuổi chị nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và sống ly thân với anh L. Nay L xin ly hôn chị thì chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn nên chị nhất trí ly hôn anh L. Về con chung giữa chị và anh L không có nên chị không yêu cầu giải quyết về con chung. Về tài sản chung giữa chị và anh L không có nên chị không yêu cầu giải quyết về tài sản. Về án phí dân sự sơ thẩm chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do điều kiện công việc bận chị không về tham gia phiên tòa được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử, Th ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử ly hôn giữa anh Bùi Văn L và chị Nguyễn Thị Th; về án phí dân sự sơ thẩm anh Bùi Văn L phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Văn L và chị Nguyễn Thị Th đăng ký hộ khẩu Thường trú tại xã N, huyện N, tỉnh N; anh L có đơn xin ly hôn chị Th và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Th vắng mặt nhưng chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện N xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Bùi Văn L và chị Nguyễn Thị Th được tổ chức kết hôn vào tháng 6/2015, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh L và chị Th sống chung hòa thuận hạnh phúc đến tháng 11/2015 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân chính là do hai bên không hợp tính nhau nên trong cuộc sống vợ chồng Thường xảy ra cãi chửi nhau. Đã nhiều năm nay anh L và chị Th sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị Th đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay anh L xin ly hôn chị Th và phía chị Th cũng nhất trí nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Bùi Văn L và chị Nguyễn Thị Th đều khai thống nhất xác định anh chị không có con chung và không yêu cầu giải quyết về con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Anh Bùi Văn L và chị Nguyễn Thị Th đều khai thống nhất xác định anh chị không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm anh Bùi Văn L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là tương đối phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; 271; 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 6; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn L và chị Nguyễn Thị Th.

2- Án phí dân sự sơ thẩm anh Bùi Văn L phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Bùi Văn L đã nộp 300.000 đồng

theo biên lai số: BB/2012/06304 ngày 17/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng. Anh Bùi Văn L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh L, vắng mặt chị Th. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND H N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Khang

Lê Văn Chính

Trần Xuân Dũng

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND H Nghĩa Hưng;
- Chi cục THADS H Nghĩa Hưng;
- UBND xã Nghĩa Đồng;
- Lưu.

Trần Xuân Dũng